

Số: *32* /2021/QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày *20* tháng 8 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Quy định khung giá các loại rừng
trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ
chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm
pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;
Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa
đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11
năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều
của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành
văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;*

*Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 tháng 11 năm 2018
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương pháp
định giá rừng; khung giá rừng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại
Tờ trình số 211/TTr-SNN ngày 05 tháng 8 năm 2021 về việc ban hành Quy
định khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định khung giá các loại
rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Tư pháp; Cục Thuế tỉnh; Kho bạc Nhà nước chi nhánh tỉnh Lâm Đồng; Chủ tịch Ủy ban nhân các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, cộng đồng dân cư liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Bộ NN&PTNT (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Lâm Đồng;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh, Trung tâm CB -TH tỉnh;
- Chi cục Văn thư - Lưu trữ tỉnh Lâm Đồng;
- Như Điều 3;
- Đài PTTH tỉnh Lâm Đồng;
- Báo Lâm Đồng;
- Lưu: VT, LN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Hiệp

QUY ĐỊNH

Khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng
(Kèm theo Quyết định số 32 /2021/QĐ-UBND ngày 20 tháng 8 năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Khung giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng gồm: khung giá rừng tự nhiên, khung giá rừng trồng thuộc rừng đặc dụng, rừng phòng hộ và rừng sản xuất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc xác định và áp dụng khung giá, giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Mục đích

1. Khung giá rừng làm căn cứ để tính tiền trong các trường hợp:

- a) Trường hợp cho thuê rừng;
- b) Trường hợp thu hồi rừng, thanh lý rừng; xác định giá trị góp vốn; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước (chuyển nhượng vốn);
- c) Trường hợp xác định giá trị phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng; thiệt hại do thiên tai, cháy rừng và các thiệt hại khác đối với rừng; xác định giá trị rừng phục vụ giải quyết tranh chấp liên quan tới rừng;
- d) Trường hợp xác định thuế, phí và lệ phí liên quan đến rừng;
- đ) Trường hợp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Khung giá rừng tự nhiên, rừng trồng phân theo cấp trữ lượng, cây trồng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Chương II

KHUNG GIÁ CÁC LOẠI RỪNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 4. Khung giá các loại rừng

- 1. Khung giá rừng tự nhiên (theo Phụ lục I đính kèm).
- 2. Khung giá rừng trồng (theo Phụ lục II đính kèm).

Điều 5. Khung giá rừng chưa có trữ lượng

Khung giá rừng chưa có trữ lượng: trữ lượng cây đứng dưới 10 m³/ha áp dụng tương đương với mức hỗ trợ trồng rừng sản xuất loài cây gỗ lớn và cây gỗ nhỏ tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp tối đa 08 triệu đồng/ha, tối thiểu 05 triệu đồng/ha.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương, chủ rừng và các đơn vị liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

a) Phối hợp với Sở Tài chính, các địa phương, đơn vị liên quan thực hiện quy định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng;

b) Căn cứ khung giá rừng tại quy định này, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt bảng giá rừng chi tiết đối với từng loại rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng; tổ chức kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện quy định khung giá rừng trên địa bàn tỉnh theo quy định;

c) Tổng hợp những khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức thực hiện khung giá rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết.

2. Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh:

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao thực hiện thu và quản lý sử dụng nguồn thu từ việc cho thuê rừng, thu hồi rừng, thanh lý rừng; xác định giá trị góp vốn; cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn nhà nước (chuyển nhượng vốn); xác định giá trị phải bồi thường khi có hành vi vi phạm pháp luật gây thiệt hại đối với rừng; thiệt hại do thiên tai, cháy rừng và các thiệt hại khác đối với rừng; xác định giá trị rừng phục vụ giải quyết tranh chấp liên quan tới rừng; xác định thuế, phí và lệ phí liên quan đến rừng; trường hợp khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Các sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính trong quá trình triển khai thực hiện khung giá rừng tại quy định này.

4. Hội đồng định giá, Sở Tài chính phối hợp với các đơn vị liên quan căn cứ vào khung giá rừng tại quy định này để thẩm định, trình UBND tỉnh phê duyệt giá các loại rừng theo thẩm quyền được quy định.

5. Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến việc xác định và áp dụng khung giá, giá các loại rừng trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng triển khai thực hiện những nội dung có liên quan tại quy định này.

Điều 7. Điều chỉnh giá các loại rừng

Khung giá rừng được điều chỉnh, bổ sung khi các yếu tố giá và các yếu tố khác thay đổi làm ảnh hưởng tăng hoặc giảm khung giá các loại rừng trên 20% liên tục trong thời gian 06 tháng trở lên, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phối hợp Sở Tài chính báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh khung giá rừng cho phù hợp. /.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Trần Văn Hiệp